|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS NGHĨA ĐỒNG****TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **Họ Tên giáo viên: Vũ Ngọc Phương, Phạm Minh Đức****Ngày soạn: 19/09/2022** |

**TIẾT 94+95: BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 2**

**Bộ sách: Kết nối tri thức và cuộc sống**

**Thời gian: Tuần 26**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về năng lực:**

- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).

- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.

- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...

- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).

- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).

- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).

- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.

- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.

- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.

- Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.

- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.

- Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).

- Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.

- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.

- Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).

- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.

- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.

- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).

- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.

**2. Về phẩm chất:**

- Phát triển phẩm chất trách nhiệm và trung thực khi làm bài kiểm tra cho học sinh.

**II. YÊU CẦU**

1.Giáo viên: Chuẩn bị đề kiểm tra

2. Học sinh:Ôn tập các nội dung đã học

**III. TIẾN TRÌNH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiết** | **Hoạt động** | **Tên bài kiểm tra** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| 1 | 45 phút | Kiểm tra giữa kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 2 | 15 phút/45 phút | Kiểm tra giữa kì II | Kiểm tra viết | Bài kiểm tra (TN+ TL) |
| 30 phút | Chữa bài kiểm tra |  |  |

**1. Khung ma trận**

- Thời điểm kiểm tra: Tuần 8 Học kì 2

- Thời gian làm bài:60 phút

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp trắc nghiệm (40%) và tự luận (60%)

- Cấu trúc:

- Mức độ đề:45% nhận biết, 32,5% thông hiểu, 17,5% vận dụng, 5% vận dụng cao.

- Phần trắc nghiệm: 4 điểm ( gồm 16 câu, trong đó có 11 câu nhận biết, 5 câu thông hiểu,)

- Phần tự luận: 6 điểm (nhận biết: 1,75 điểm, thông hiểu: 2 điểm, vận dụng: 1,75 điểm, 0,5 vận dụng cao)

- Khung ma trận:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | **Tổng số ý tự luận/ Số câu TN(Số YCCĐ)**  | **Điểm số** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |  |  |  |
| *Nấm* | 2 | 3 | 0 | 0 | 0 |  | 2 |  | 4 | 3 | 1,75 |
| *Thực vật* | 3 | 3 | 4 | 2 | 0 |   |  |  | 7 | 5 | 3 |
| *Động vật* | 2 | 3 | 2 | 1 | 2 |   |  |  | 6 | 4 | 2,5 |
| *Đa dạng sinh học* | 0 | 1 | 0 | 1 | 3 |  |  |  | 3 | 2 | 1,25 |
| *Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên* | 0 | 1 |  | 1 | 2 |  |  |  | 4 | 2 | 1,5 |
| **Số câu TN/ Số ý TL** | **7** | **11** | **8** | **5** | **7** |  |  |  | **24** | **16** |   |
| **(Số YCCĐ)** |
| **Điểm số** | **1,75** | **2,75** | **2** | **1,25** | **1,75** | **0**  | **0,5** | **0** | **6** | **4** | **10.0** |
| **Tổng số điểm** | **4,5 điểm** | **3,25 điểm** | **1,75 điểm** | **0,5 điểm**  | **10 điểm** | **10 điểm** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung (1)** | **Mức độ (2)** | **Yêu cầu cần đạt (3)** | **Số ý TL/ số câu hỏi TN (4)** | **Câu hỏi (5)** |
|  |  |  | TL(Số ý) | TN(Số câu) | TL(Câu) | TN(Câu) |
| **1. Nấm (4 tiết)** | 4 | 3 |  |  |
| * Nấm
* Thực hành: Quan sát các loại Nấm
 | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. | **2** | **3** | **C1a** | **C1,C2,C3** |
| **Vận dụng** | -Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | -Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... | **2** |  | **C1b** |  |
| ***2.* Thực vật *(7 tiết)*** | **7** | **5** |  |  |
| * Thực vật
* Thực hành: Quan sát và phân loại một số nhóm thực vật.
 | **Nhận biết** | - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | **3** | **3** | **C2b** | **C5,C6,C9** |
| **Thông hiểu** | - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). | **4** | **2** | **C2a** | **C8,C7** |
| **Vận dụng** | - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| ***3. Động vật (6 tiết)*** | **6** | **4** |  |  |
| * Động vật
* Thực hành: Quan sát và nhận biết một số nhóm động vật ngoài thiên nhiên
 | **Nhận biết** | - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. | **2** |  | **C3** |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | **3** |  | **C4,C10,C11** |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. | **2** | **1** | **C3** | **C12** |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. | **2** |  | **C3** |  |
| ***4.* Đa dạng sinh học *(3 tiết)*** | **3** | **2** |  |  |
| * Đa dạng sinh học
 | **Nhận biết** | - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | **1** |  | **C13** |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. | **3** | **1** | **C4** | **C14** |
| ***5.* Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên *(2 tiết)*** | **4** | **2**  |  |  |
| * Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên
 | **Nhận biết** | - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...). |  | **1** |  | **C16** |
| **Thông hiểu** | - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. | **2** | **1** | **C5** | **C15** |
| **Vận dụng** | - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận.- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. | **2** |  | **C5** |  |

1. **ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS XÃ NGHĨA ĐỒNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG GIỮA HỌC KÌ 2****MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN****LỚP 6****Thời gian làm bài: 60 phút** |

**I. Trắc nghiệm: Chọn một đáp án em cho là đúng**

***Câu 1***: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải của nấm?

1. Nấm là sinh vật nhân thực.
2. Tế bào nấm có chứa lục lạp.
3. Thành tế bào của nấm cấu tạo bằng chất kitin.
4. Nấm là sinh vật dị dưỡng, lấy thức ăn là các chất hữu cơ.

***Câu 2***: Nấm đảm là loại nấm có thể quả dạng

1. hình túi. C. sợi nấm phân nhánh.
2. hình tai mèo. D. hình mũ.

***Câu 3***: Đặc điểm nào dưới đây của nấm giống với vi khuẩn?

1. Một số đại diện có cơ thể đa bào.
2. Cơ thể có cấu tạo từ các tế bào nhân thực.
3. Có lối sống dị dưỡng: hoại sinh hay kí sinh.
4. Thành tế bào có cấu tạo bằng chất kitin.

***Câu 4***: Đặc điểm nào dưới đây là của ngành ruột khoang?

1. Đối xứng hai bên.. C. đối xứng lưng – bụng.
2. Đối xứng tỏa tròn. D. đối xứng trước – sau.

***Câu 5***: Hoạt động nào của cây xanh giúp bổ sung vào bầu khí quyển lượng oxygen, mất đi Cácbonic do hô hấp và đốt cháy nhiên liệu?

1. Trao đổi khoáng B. Hô hấp C. Quang hợp D. Thoát hơi nước

***Câu 6***: Vì sao nói thực vật có vai trò bảo vệ đất và nguồn nước?

1. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh giữ đất, cản dòng chảy do mưa lớn gây ra, một phần nước mưa thấm dần xuống các lớp đất tạo thành nước ngầm.
2. Tán cây cản bớt sức nước chảy do mưa lớn gây ra.
3. Thực vật có hệ rễ phát triển mạnh.
4. Tán lá cản bớt ánh sáng và tốc độ gió.

***Câu 7***: Rêu thường sống ở môi trường nào?

1. Môi trường nước. C. Môi trường ẩm ướt.
2. Môi trường khô hạn. D. Môi trường không khí.

***Câu 8***: Cây nào dưới đây không được xếp vào nhóm thực vật có hoa?

1. Cây dương xỉ. C. Cây ngô.
2. Cây chuối.. D. Cây lúa.

***Câu 9***: Trong các biện pháp giúp giảm thiểu ô nhiễm và điều hòa khí hậu, biện pháp khả thi, tiết kiệm và mang lại hiệu quả lâu dài nhất là

1. ngừng sản xuất công nghiệp.. C. xây dựng hệ thống xử lí chất thải.
2. trồng cây gây rừng.. D. di dời các khu chế xuất lên vùng núi.

***Câu 10***: Đại diện nào dưới đây thuộc lớp bò sát?

1. Cá cóc bụng hoa. B. Cá ngựa.. C. Cá sấu D. Cá heo.

***Câu 11***: Loài chim nào dưới đây hoàn toàn không biết bay, thích nghi cao với đời sống bơi lội?

1. Chim bồ câu. B. Chim cánh cụt.. C. Gà. D. Vịt.

***Câu 12***: Bạch tuộc và ốc sên có nhiều đặc điểm khác nhau nhưng đều được xếp chung vào ngành Thân mềm vì cả hai đều có đặc điểm nào dưới đây?

1. Có giá trị thực phẩm.. C. Có vỏ cứng bao bọc cơ thể.
2. Có cơ thể mềm, không phân đốt. D. Di chuyển được

***Câu 13.*** Động vật ở vùng lạnh thường có hiện tượng ngủ đông, điều đó có ý nghĩa nào dưới đây?

 A. Giúp cơ thể tiết kiệm năng lượng.          B. Giúp cơ thể tổng hợp được nhiều nhiệt.

 C. Giúp lẩn tránh kẻ thù. D. Tránh mất nước cho cơ thể.

***Câu 14:*** Đặc điểm cơ bản nhất làm cho các loài động vật ở nước ta đa dạng và phong phú là nước ta…

 A. có địa hình phức tạp. B. có nhiều sông hồ.

 C. có diện tích rộng. D. nằm ở vùng nhiệt đới, nóng ẩm, mưa nhiều.

***Câu 15:*** Vợt bắt bướm được dùng để bắt các loài động vật nào?

 A. Bướm, Ong, Giun đất. B. Kiến, Cào cào, Chuồn chuồn.

 C. Bướm, Cào cào, Châu chấu. D. Châu chấu, Tôm đồng, Chim sâu.

***Câu 16***: Vai trò nào **không** phải là vai trò của sinh vật ngoài thiên nhiên?

 A. Làm sạch môi trường. B. Làm thức ăn.

 C. Làm vật chủ truyền bệnh cho người. D. Làm dược liệu.

***II.TỰ LUẬN***

**Câu 1(1điểm)**:

a. Nấm hoại sinh có vai trò như thế nào trong tự nhiên?

b. Nấm có vai trò rất quan trọng cho con người. Vậy khi trồng nấm để nấm phát triển tốt ngoài yếu tố nhiệt độ và độ ẩm ta cần chú ý thêm điều gì?

**Câu 2 (1,75 điểm):**

a. Ghép nội dung ở cột A với nội dung ở cột B để được các đặc điểm phù hợp với mỗi ngành trong giới thực vật.

|  |  |
| --- | --- |
| Cột A | Cột B |
| 1. Ngành Rêu | a, Có rễ thật, có mạch dẫn, sinh sản bằng bào tử |
| 2. Ngành Dương xỉ | b, Rễ, thân, lá phát triển; có mạch dẫn; cơ quan sinh sản là nón, hạt nằm trên lá noãn hở. |
| 3. Ngành Hạt trần | c, Có thân, lá, rễ giả; không có mạch dẫn; sinh sản bằng bào tử. |
| 4. Ngành Hạt kín | d, Rễ, thân, lá phát triển đa dạng; có hoa, quả, hạt; hạt nằm trong quả. |

b. Thực vật có vai trò gì đời sống con người?

**Câu 3 (1,5 điểm)**: Hãy kể tên 2 động vật không xương sống mà em biết, cho biết chúng thuộc ngành nào, có vai trò hoặc tác hại gì?

**Câu 4 *(0,75 điểm)***: Tại sao cấm đánh bắt cá bằng lưới có mắt lưới nhỏ, hoặc các phương pháp kích điện hoặc nổ mìn?

**Câu 5 (1đ)**:

a. Hãy kể tên 2 loài thực vật thuộc ngành hạt kín được trồng làm rau ở vườn nhà em?

b. Em đã chăm sóc vườn rau đó bằng những biện pháp nào?

**2. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I: Trắc nghiệm (4 điểm):** *Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm.*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | B | D | C | B | C | A | C | A |
| **Câu** | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| **Đáp án** | B | C | B | B | A | D | C | C |

**Phần II: Tự luận (6 điểm)**

**Câu 1:**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Nấm hoại sinh có vai trò rất quan trọng trong tự nhiên:- Chúng giúp phân giải chất hữu cơ thành chất vô cơ, vừa dọn sạch các xác chết trên mặt đất, vừa cung cấp chất vô cơ cho cây xanh sử dụng làm nguyên liệu tổng hợp chất hữu cơ mới.- Nấm hoại sinh đóng góp tích cực trong chu trình tuần hoàn của vật chất trong tự nhiên. | 0,25 đ 0,25 đ |

b. Cần chú ý đến yếu tố: Vệ sinh và tưới nước đều đặn.( 0,5 đ)

**Câu 2:**

a.

|  |  |
| --- | --- |
| **1 - c.****2 – a.****3 – c.****4 – d.** | 0,25 đ 0,25 đ0,25 đ0,25 đ |

b.

|  |  |
| --- | --- |
| - Đối với đời sống con người:+ Cung cấp lương thực, thực phẩm + Cung cấp củi đốt, cây gỗ làm nhà, xây dựng+ Cung cấp dược phẩm và nhiều công cụ khác | 0,25 đ0,25 đ0,25 đ |

**Câu 3**: Hãy kể tên 2 động vật không xương sống mà em biết, cho biết chúng thuộc ngành nào, có vai trò hoặc tác hại gì?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên** | **Ngành** | **Vai trò** |
| Mực (0,25 đ) | Thân mềm(0,25 đ) | Thực phẩm(0,25 đ) |
| Muỗi(0,25 đ) | Chân khớp(0,25 đ) | Tác hại( Trung gian truyền bệnh) (0,25 đ) |

( học sinh có thể kể 2 động vật khác, vai trò khác phù hợp)

**Câu 4*:***  Tại sao cấm đánh bắt cá bằng lưới có mắt lưới nhỏ, hoặc các phương pháp kích điện hoặc nổ mìn?

|  |  |
| --- | --- |
| Cấm đánh bắt cá bằng lưới có mắt cá nhỏ vì:+ Khi dùng lưới có mắt nhỏ, cá con cũng sẽ bị bắt cùng với cá lớn. + Khi dùng kích điện hoặc nổ mìn, cá con cũng sẽ bị chết cùng với cá lớn.  -> Điều này sẽ gây suy giảm số lượng cá con của đàn cá, để đảm bảo sự phát triển của các loài cá cần phải sử dụng lưới đánh bắt có mắt lưới lớn để cá con có thể lọt qua và tiếp tục sinh trưởng, cấm dùng kích điện hoặc nổ mìn. | 0,25 đ 0,25 đ 0,25 đ |

**Câu 5:**

a. 2 loài thực vật thuộc ngành hạt kín được trồng làm rau ở vườn nhà em:

- Rau muống, rau đay (0,5 đ) ( học sinh có thể kể 2 loại rau khác phù hợp)

b. Em đã chăm sóc vườn rau đó bằng những biện pháp như: Tưới nước, bón phân, nhặt cỏ….(0,5 đ) ( kể đúng 2 biện pháp được điểm tối đa)